

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 772/TTr-UBND

An Giang, ngày 28 tháng 11 năm 2018

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AG

ĐẾN	Ngày: 29/11/2018
	Số: 7634
	Chuyển:
	Lưu Hồ Sơ: Th UBND

TỜ TRÌNH

Về việc quy định hỗ trợ Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, căn cứ Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính về quy định giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về việc quy định hỗ trợ Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh:

Ngày 25/11/2015 Quốc hội thông qua Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 có hiệu lực từ 01/01/2017, theo đó “*thủy lợi phí*” sẽ không còn mà được thay thế bằng “*giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi*” và thực hiện theo Luật Giá 2012.

Mặt khác, Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được Quốc Hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018 đã quy định nhà nước định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, cụ thể là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trên cơ sở giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ Tài chính quy định (Điều 35 Luật Thủy lợi). Việc chuyển sang cơ chế giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, nguyên tắc thị trường được coi trọng, với kỳ vọng: (1) Khuyến khích sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm nước từ công trình thủy lợi; (2) Tạo động lực cho các tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi phát huy năng lực, lợi thế, nâng cao hiệu quả công trình và (3) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, khai thác công trình thủy lợi. Do đó việc xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang là hết sức cần thiết và cấp bách để quản lý các hoạt động cung ứng dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo các quy định mới của pháp luật.

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: *HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình HĐND tỉnh quy định hỗ trợ Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang để thực hiện.

II. Mục đích ban hành Nghị quyết về việc quy định hỗ trợ Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang:

Việc ban hành quy định hỗ trợ Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý để làm căn cứ đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch quản lý khai thác công trình thủy lợi theo quy định.

III. Quá trình soạn thảo, lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh:

Ngày 14/3/2018, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Công văn số 331/SNN&PTNT-CCTL gửi các sở, ngành góp ý nội dung dự thảo Đề cương và Dự toán nghiên cứu xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ công ích Thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ngày 17/9/2018, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Công văn số 1592/SNN&PTNT-CCTL gửi các sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động - Thương binh và Xã hội; Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi An Giang và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố góp ý nội dung dự thảo xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích Thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

Sau khi dự thảo được gửi lấy ý kiến các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố về các dự thảo văn bản để trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc quy định hỗ trợ Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh theo ý kiến góp ý của các sở, ngành và gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn 1780/SNN&PTNT-CCTL ngày 10/10/2018.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 338/BC-STP ngày 24/10/2018, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc quy định hỗ trợ Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

IV. Bộ cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

1. Bộ cục

Dự thảo Nghị Quyết về việc quy định hỗ trợ Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang gồm có 02 Chương, 04 Điều được bố cục và có nội dung như sau:

- Chương I. Quy định chung, gồm những quy định bao quát nhất, quan trọng nhất, chi phối toàn bộ các quy định của dự thảo Quy định. Chương này gồm 2 điều, từ Điều 1 đến Điều 2 quy định về: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi công ích.

- Chương II. Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, gồm 02 điều, từ Điều 3 đến Điều 4 quy định về: Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Điều kiện áp dụng để tính giá.

2. Nội dung chính của dự thảo Nghị quyết:

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định hỗ trợ Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Đối tượng áp dụng được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi công ích

Áp dụng đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi và các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng nguồn nước hoặc làm dịch vụ từ hệ thống công trình thủy lợi (bao gồm: hồ chứa, đập, cống, kênh, rạch tạo nguồn nước...) kể cả nguồn nước từ sông rạch tự nhiên trên địa bàn tỉnh nhưng do nhà nước đầu tư nạo vét.

c) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho tưới tiêu tạo nguồn cho lúa, màu và thủy sản trên địa bàn tỉnh An Giang được tính toán theo các quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tại Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ và Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020.

Kết quả tính toán xác định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang bao gồm: Phần giá tạo nguồn bằng trọng lực do công ty quản lý (các công trình cấp tỉnh quản lý) và phần giá tạo nguồn bằng trọng lực do cấp huyện quản lý (các công trình do cấp huyện quản lý). Tổng giá trên địa bàn tỉnh bằng giá phần tính cho công ty cộng với phần tính cho cấp huyện. Giá được tính toán trong điều kiện thời tiết bình thường ứng với hiện trạng máy móc thiết bị, công trình, mô hình và trình độ tổ chức quản lý hiện tại trên địa bàn tỉnh.

Biểu giá cụ thể cho các đối tượng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi như sau:

TT	Đối tượng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Đơn vị tính	Mức giá
I	Tưới tiêu cho lúa		
1.1	Tưới tiêu chủ động:		
-	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	1.055.000
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	732.000
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	824.000
1.2	Tưới, tiêu chủ động một phần:		
-	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	633.000
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	439.200
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	494.400
1.3	Tưới, tiêu tạo nguồn:		
-	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	422.000
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	292.800

TT	Đối tượng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Đơn vị tính	Mức giá
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	329.600
II	Tưới tiêu cho mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ đông		
2.1	Tưới tiêu chủ động:		
-	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	422.000
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	292.800
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	329.600
2.2	Tưới tiêu chủ động một phần:		
-	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	253.200
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	175.680
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	197.760
2.3	Tưới, tiêu tạo nguồn:		
-	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	168.800
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	117.120
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	131.840
III	Cấp nước cho chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu		
3.1	Cấp nước cho chăn nuôi		
-	Cấp nước bằng máy bơm	đồng/m ³	1.320
-	Cấp nước bằng hồ đập, kênh cống	đồng/m ³	900
3.2	Cấp nước cho nuôi trồng thủy sản		
-	Cấp nước chủ động	đồng/ha mặt thoát/năm	2.500.000
-	Cấp nước tạo nguồn	đồng/ha mặt thoát/năm	1.000.000
3.3	Cấp nước cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu		
1	Tưới tiêu chủ động		
-	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/năm	844.000
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/năm	585.600
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/năm	659.200
2	Tưới tiêu chủ động một phần		
-	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/năm	506.400
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/năm	351.360
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/năm	395.520

TT	Đối tượng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Đơn vị tính	Mức giá
3	Tưới tiêu tạo nguồn		
-	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/năm	337.600
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/năm	234.240
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/năm	263.680
IV	Tiêu thoát nước cho khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị		
-	Tiêu bằng động lực	đồng/ha lưu vực/năm	36.925
-	Tiêu bằng trọng lực	đồng/ha lưu vực/năm	25.620
-	Tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha lưu vực/năm	28.840

d) Điều kiện áp dụng để tính giá

Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh được tính đến điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang là giá không có thuế giá trị gia tăng.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh)

Trên đây là Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định hỗ trợ giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang. Tờ trình này thay thế Tờ trình số 660/TTr-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh An Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- Ban Kinh tế Ngân sách – HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và PTNT
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P.KTN, P.KTTH, P.TH.
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nưng